TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Xuyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Ông Quách Xuân Luyện.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Nguyễn Văn P - sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn TB, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2. ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn TB, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh P, chị D.

NỘI D VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2017, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 22/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh Pc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị D không chịu khó làm ăn để xây dựng hạnh Pc gia đình mà thường bỏ nhà đi, anh đã cho chị D nhiều cơ hội làm lại nhưng không có kết quả. Đến

tháng 3 năm 2016 chị D đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó đi Phủ Lý làm công nhân và vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai từ đó đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, chính quyền, đoàn thể địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 25/12/2013 và cháu Nguyễn NL, sinh ngày 23/12/2015. Hiện nay cháu BN đang ở cùng với anh, còn cháu NL đang sống cùng chị D từ tháng 3 năm 2016 đến nay. Khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu BN, chị D nuôi cháu NL. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Từ khi chị D bỏ đi, việc nuôi dưỡng cháu BN anh không gặp khó khăn gì

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn của vợ chồng.

* Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng, chị nhất trí với phần trình bày của anh P. Tuy nhiên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng là do anh P có lối sống không lành mạnh, có quan hệ tình cảm với người khác, thiếu sự vun vén xây dựng gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh P không nhận thức ra mà còn đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Do không chịu nổi cách sống của anh P, nên tháng 3 năm 2016 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn TB, xã TN, sau đó lên Phủ Lý xin đi làm công nhân, từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được, chính quyền địa phương hòa giải cũng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh P có đơn xin ly hôn, chị nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung như anh P đã trình bày ở trên. Hiện nay cháu BN đang ở cùng với anh P, còn cháu NLđang ở cùng chị từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị D không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh P có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn P: - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P với chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 25/12/2013 cho anh P nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn NL, sinh ngày 23/12/2015 cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn các bên đương sự không đề nghị giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của anh P nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội D đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn P có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại thôn TB, xã TN, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

[2] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị D kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TN, huyện Thanh Liêm cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh Pc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thì cho rằng chị D không quan tâm đến gia đình, hay bỏ nhà đi. Chị D thì cho rằng anh P có lối sống không lành mạnh, có quan hệ với người khác, song lại đánh đập, chửi bới xúc phạm danh dự chị. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng hạnh Pc gia đình và đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay cả anh P và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P và chị D được thuận tình ly hôn. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc giải quyết ly hôn là giải pháp mà anh P và chị D cùng lựa chọn. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh P và chị D là phù hợp với thực tế và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh P và chị D có hai con chung là cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 25/12/2013 và cháu Nguyễn NL, sinh ngày 23/12/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu BN ở cùng với anh P, còn cháu NLở cùng với chị D. Cả anh P và chị D đều nuôi dưỡng, chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, anh P có nơi ở ổn định lại có sự hỗ trợ từ mẹ đẻ anh ở

cùng nhà, chị D hiện đang phải đi thuê nhà, việc nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung sẽ gặp khó khăn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D không đưa ra được căn cứ xác định anh P không có khả năng chăm sóc, giáo dục đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho con chung. Vì vậy nên giao cho anh P và chị D mỗi người nuôi một con chung để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu. Cụ thể: giao cháu BN cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu NLcho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với thực tế và pháp luật. Do vậy yêu cầu về nuôi con chung của anh P được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh P và chị D không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh P có trách nhiệm nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn P có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị BN, sinh ngày 25/12/2013; giao cho chị Nguyễn Thị D có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn NL, sinh ngày 23/12/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 75.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P nộp toàn bộ án phí cho chị D. Như vậy anh P phải nộp 150.000 đồng, anh P được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm theo biên lai số 04216 ngày 12/7/2017. Anh P được trả lại 150.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã TN, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên